

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 29/2021/DS-ST

Ngày 06-8-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiến; Ông Phạm Đình Bông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, cán bộ TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2021/TLST-DS, ngày 17/5/2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-DS, ngày 21/7/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1982 – Có mặt.

Địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Lang Xuân T, sinh năm 1970 (Có mặt) và bà Lương Thị L, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị L là ông Lang Xuân T – Có mặt.

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2021 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 17/5/2021), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trịnh Thị H trình bày:

Do quen biết với nhau, nhiều lần bà H cho vợ chồng bà Lương Thị L vay tiền, có lần trả được, có lần nợ lại. Đến ngày 15/01/2018 hai bên chốt nợ lại với nhau thì vợ chồng ông T bà L còn nợ lại số tiền 155.000.000 đồng. Bà H có viết giấy bằng bút

mực màu xanh đề ngày 15/01/2018, có nội dung ông bà T L vay của tôi số tiền 155.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngày 15/10/2018, lãi suất 20%/năm, có chữ ký và viết tên “Lương Thị L”, “Lang Xuân T” dưới phần người vay. Khi hết hạn thanh toán vợ chồng ông T không thanh toán được cho bà H vì vậy bà H đã khởi kiện tại Tòa án.

Tại phiên tòa bà H yêu cầu ông Lang Xuân T và bà Lương Thị L phải thanh toán cho bà H tổng số tiền là 264.953.000 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 155.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng, thời hạn tính lãi từ ngày 15/01/2018 đến ngày 06/8/2021, là 42 tháng 22 ngày. Tiền lãi là: $155.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 42 \text{ tháng} 22 \text{ ngày} = 109.953.000 \text{ đồng}$.

Kể từ ngày 07/8/2021 cho đến khi thi hành xong, ông Lang Xuân T và bà Lương Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận là 1,66%/tháng.

Biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Lang Xuân T trình bày:

Ngày 07/8/2013, vợ chồng ông T, bà L vay số tiền 150.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, do ông bà không đáo hạn được ngay nên 03 tháng sau ông bà mới được đáo hạn. Trong thời gian 03 tháng chờ đáo hạn ông bà thanh toán tiền lãi là 3.000 đồng/01 triệu/ngày, tổng số tiền đã thanh toán là 40.500.000 đồng. Sau khi đáo hạn nhưng ông bà không thanh toán được tiền nợ gốc vì vậy bà H yêu cầu tính tiền lãi là 5.000 đồng/01 triệu/ngày. Từ năm 2013 đến năm 2018, ông bà nhiều lần thanh toán tiền cho bà H nhưng ông bà không nhớ chính xác thời gian, số tiền mỗi lần thanh toán, ông chỉ biết số tiền lãi mà ông bà đã thanh toán cho bà Hoa là 135.000.000 đồng. Đến ngày 15/01/2018, bà H yêu cầu ông bà chốt nợ, theo sự tính toán của bà H thì ông bà nợ số tiền 155.000.000 đồng. Bà H viết giấy bằng bút mực màu xanh đề ngày 15/01/2018, có nội dung ông bà vay của bà H số tiền 155.000.000 đồng, không thể hiện bao nhiêu tiền nợ gốc bao nhiêu tiền nợ lãi, thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngày 15/10/2018, lãi suất bao nhiêu ông không nhớ, có chữ ký và viết tên “Lương Thị L”, “Lang Xuân T” dưới phần người vay.

Tại phiên tòa ông T công nhận ông T và bà L nợ bà H số tiền nợ gốc là 155.000.000 đồng, ông bà đồng ý mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 15/01/2018. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ông đề nghị bà H cho ông bà được thanh toán dần số tiền nợ gốc mà không thanh toán tiền nợ lãi.

Quá trình giải quyết vụ án do ông Lang Xuân T và bà Lương Thị L vắng mặt tại địa phương, Tòa án ban hành Quyết định số 125/2021/QĐ-TA, ngày 18/6/2021 thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thông báo cho ông Lang Xuân T và bà Lương Thị L được biết sau đó bà Lương Thị L đã ủy quyền cho ông Lang Xuân T tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn; Bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc cầu ông Lang Xuân T và bà Lương Thị L phải thanh toán cho bà H tổng số tiền là 264.953.000 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 155.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng, thời hạn tính lãi từ ngày 15/01/2018 đến ngày 06/8/2021, là 42 tháng 22 ngày. Tiền lãi là: 155.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 42 tháng 22 ngày = 109.953.000 đồng.

Kể từ ngày 07/8/2021 cho đến khi thi hành xong, ông Lang Xuân T và bà Lương Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận là 1,66%/tháng.

Về các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Trịnh Thị H khởi kiện ông Lang Xuân T và bà Lương Thị L phải thanh toán số tiền nợ gốc 155.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất theo thỏa thuận. Vì vậy đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Ông Lang Xuân T và bà Lương Thị L sinh sống làm việc tại thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án do ông Lang Xuân T và bà Lương Thị L vắng mặt tại địa phương, Tòa án ban hành Quyết định số 125/2021/QĐ-TA, ngày 18/6/2021 thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thông báo cho ông Lang Xuân T và bà Lương Thị L được biết, sau đó bà Lương Thị L đã ủy quyền cho ông Lang Xuân T tham gia tố tụng tại phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Lời khai của các đương sự thể hiện ông Lang Xuân T và bà Lương Thị L thực hiện giao dịch vay tài sản là tiền mặt với bà Trịnh Thị H nhiều lần, có lần thanh toán

được, có lần thì nợ lại, vì vậy ngày 15/01/2018 các bên đã chốt nợ lại với nhau, nội dung được thể hiện tại giấy viết bằng bút mực màu xanh đề ngày 15/01/2018.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”*

Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: *“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*

Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: *“2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.”*

Như vậy nội dung vay tiền giữa ông T, bà L với bà H được thể hiện tại giấy tựa đề “Giấy vay tiền” ngày 15/01/2018 do bà H cung cấp, nội dung thể hiện số tiền nợ gốc là 155.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 15/10/2018. Ông Lang Xuân T khẳng định chữ ký và viết tên “Lương Thị L”, “Lang Xuân T” thể hiện dưới phần người vay trong giấy vay tiền là của ông và bà L. Hết thời hạn thanh toán ông T và bà L không thanh toán được cho bà H vì vậy bà H khởi kiện yêu cầu ông T và bà L phải thanh toán số tiền nợ gốc 155.000.000 đồng là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi.

Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: *“5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Điều 470 Bộ luật dân sự quy định: *“2. Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản trước kỳ hạn, nhưng phải trả toàn bộ lãi theo kỳ hạn, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.”*

Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: *“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.”*

Ông Lang Xuân T cho rằng quá trình vay tiền ông bà thanh toán được số tiền nợ lãi là 135.000.000 đồng nhưng ông không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Tại phiên tòa ông đồng ý thanh toán tiền lãi với mức lãi suất mà bà H yêu cầu là 1,66%/tháng tuy nhiên ông đề nghị bà H rút yêu cầu tính tiền lãi vì ông bà hiện nay khó khăn.

Xét thấy, giấy viết bằng bút mực màu xanh có tựa đề “Giấy vay tiền” ngày 15/01/2018 thể hiện lãi suất 20%/năm. Bà H chỉ yêu cầu mức lãi suất 20%/năm, tương đương 1,66%/tháng, thời hạn tính lãi từ ngày 15/01/2018 đến ngày 06/8/2021 mà không yêu cầu mức lãi suất quá hạn, bà H không đồng ý rút yêu cầu tính tiền lãi. Vì vậy số tiền lãi là: 155.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 42 tháng 22 ngày = 109.953.000 đồng.

Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, tiền nợ lãi của bà Trịnh Thị H là có cơ sở nên cần buộc ông Lang Xuân T và bà Lương Thị L phải thanh toán số tiền nợ gốc 155.000.000 đồng và tiền lãi là 109.953.000 đồng.

Kể từ ngày 07/8/2021 cho đến khi thi hành xong, ông Lang Xuân T và bà Lương Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận là 1,66%/tháng.

[3]. Bà Trịnh Thị H phải chịu chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 5.025.000 đồng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, được khấu trừ số tiền mà Trịnh Thị Hoa đã nộp tại Cơ quan thường trú Đài tiếng nói Việt Nam khu vực T theo phiếu thu ngày 18/6/2021; Hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty cổ phần thông tin truyền thông Công lý số 0000803, ngày 02/7/2021; Phiếu thu ngày 15/6/2021 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

[4]. Về án phí: Căn cứ tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lang Xuân T và bà Lương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.248.000 đồng (264.953.000 đồng x 5% = 13.248.000 đồng) (*Mười ba triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng*). Ông Lang Xuân T và bà Lương Thị L có nghĩa vụ nộp số tiền 13.248.000 đồng (*Mười ba triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo quy định

Hoàn trả bà Trịnh Thị H số tiền 6.445.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà bà Trịnh Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0004158/BL-THA, ngày 13/5/2021.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 180; Điều 235; Điều 226; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466; 468 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị H.

1. Buộc cầu ông Lang Xuân T và bà Lương Thị L phải thanh toán cho bà Trịnh Thị H tổng số tiền là 264.953.000đ (*Hai trăm sáu mươi tư triệu chín trăm năm mươi ba nghìn đồng*) trong đó số tiền nợ gốc là 155.000.000đ (*Một trăm năm mươi lăm triệu đồng*) và tiền lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng, thời hạn tính lãi từ ngày 15/01/2018 đến ngày 06/8/2021, là 42 tháng 22 ngày. Tiền lãi là: 155.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 42 tháng 22 ngày = 109.953.000đ (*Một trăm lẻ chín triệu chín trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày 07/8/2021 cho đến khi thi hành xong, ông Lang Xuân T và bà Lương Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận là 1,66%/tháng.

2. Về chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà Trịnh Thị H phải chịu chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 5.025.000 đồng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, được khấu trừ số tiền mà Trịnh Thị H đã nộp tại Cơ quan thường trú Đài tiếng nói Việt Nam khu vực T theo phiếu thu ngày 18/6/2021; Hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty cổ phần thông tin truyền thông Công lý số 0000803, ngày 02/7/2021; Phiếu thu ngày 15/6/2021 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

3. Về án phí: Ông Lang Xuân T và bà Lương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.248.000 đồng (264.953.000 đồng x 5% = 13.248.000 đồng) (*Mười ba triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng*). Ông Lang Xuân T và bà Lương Thị L có nghĩa vụ nộp số tiền 13.248.000 đồng (*Mười ba triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo quy định

Hoàn trả bà Trịnh Thị H số tiền 6.445.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà bà Trịnh Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0004158/BL-THA, ngày 13/5/2021.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Noi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CCTHADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên toà

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Nhi